

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày: **21/4/2022**

V/v “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt.**

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Hoa Kiều.**

2/. Ông **Nguyễn Phúc Viễn.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 146/2022/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm A**, sinh năm 1983. (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Vũ B**, sinh năm 1975. (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm A trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ B qua tìm hiểu, tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 19/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, ít gần gũi quan tâm nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân từ đó. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Bản tự khai không đề ngày tháng năm anh Nguyễn Vũ B trình bày:*

- Về hôn nhân: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Cẩm A qua tìm hiểu, tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 19/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, ít gần gũi quan tâm nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Cẩm A có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Vũ B. Anh B có địa chỉ thường trú tại xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh Nguyễn Vũ B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ B.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Cẩm A và anh Nguyễn Vũ B đã tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị A trình bày trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân từ năm 2018, nay không còn tình cảm nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A, anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Cẩm A ly hôn anh Nguyễn Vũ B.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị A, anh B trình bày thống nhất không có nên Tòa án không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Cẩm A ly hôn anh Nguyễn Vũ B.

2/ Án phí:

Chị Nguyễn Thị Cẩm A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004703 ngày 03/3/2021 được khấu trừ nên chị không phải nộp tiếp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị A được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án anh B được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N1;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt